

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH

Bản án số: 32/2024/DS-ST

Ngày: 30-8-2024

V/v Tranh chấp hợp đồng bảo lãnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Đức Quang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thái Linh

Ông Nguyễn Sỹ Quân

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Linh Giang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số 23/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2024 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng bảo lãnh*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 42/2024/QĐXX-ST ngày 26 tháng 7 năm 2024 và **Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 17/2024/TB-TA ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, giữa các đương sự:**

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Q. Địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà A, phố Đ, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Thế S, chức vụ: Tổng giám đốc. (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1980 và bà Đoàn Thị Mỹ L, sinh năm 2022; địa chỉ: Số A Đ, Đ, quận H, thành phố Hà Nội. (Vắng mặt – Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn:

- Chị Nguyễn Thị L1, sinh năm 1996 và ông Trần K, sinh năm 1953.

Địa chỉ: Thôn H, xã V, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Trần Văn C, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn H, xã V, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 15/8/2022, chị Nguyễn Thị L1 và ông Trần K đã ký Hợp đồng bảo lãnh với Công ty cổ phần Q để cho anh Trần Văn C đi lao động tại Đài Loan với nội dung: “ - Ngay khi biết bên C (Trần Văn C) bỏ trốn, lập tức kêu gọi, động viên bên C sớm quay trở về đầu thú; cam kết bồi thường cho bên A (Công ty Cổ phần Q) số tiền 100.000.000 đồng nếu bên C bỏ trốn ra ngoài làm việc bất hợp pháp, thời gian bồi thường trong vòng 07 ngày kể từ khi nhận được văn bản thông báo bên C đã bỏ trốn của bên A; không yêu cầu bên A phải chịu bất cứ trách nhiệm gì với bên B và bên C khi bên C vi phạm nội dung hợp đồng này, miễn mọi trách nhiệm về dân sự, hình sự, kinh tế cho bên A”.

Ngày 12 tháng 8 năm 2022, anh Trần Văn C ký hợp đồng đi làm việc tại Đài Loan; ngày 05 tháng 9 năm 2022, anh Trần Văn C bay đến Đài Loan để thực hiện hợp đồng; ngày 15 tháng 9 năm 2022, anh Trần Văn C đã bỏ trốn. Sau khi nhận được tin anh C bỏ trốn tại Đài Loan, Công ty Cổ phần Q đã tìm mọi cách liên lạc nhưng không được. Ngày 20/9/2022 Công ty Cổ phần Q đã có văn bản thông báo về việc lao động Trần Văn C bỏ trốn tới gia đình chị Nguyễn Thị L1, tới UBND và Công an xã V để thông báo về việc anh Trần Văn C bỏ trốn và đề nghị gia đình phối hợp với địa phương kêu gọi anh Trần Văn C quay về nơi làm việc, nhưng đến nay gia đình chị Nguyễn Thị L1 và lao động Trần Văn C không có phản hồi gì với Công ty Cổ phần Q.

Ngày 24 tháng 10 năm 2022, Bộ L2 có Công văn số 1110523260 gửi Công ty Cổ phần Q, kèm theo Công văn là danh sách 40 lao động bỏ trốn, trong đó anh Trần Văn C với số hộ chiếu P00178186, ngày bỏ trốn 15/9/2022. Việc anh Cao b trốn tại Đài Loan là việc làm vi phạm pháp luật rất nghiêm trọng, cư trú bất hợp pháp tại nước sở tại sẽ phải chịu hình phạt rất nghiêm khắc, đặc biệt về tính mạng, sức khỏe, tài sản và các quyền lợi của anh Trần Văn C đều không được bảo đảm. Mặt khác, còn làm thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản và uy tín của Công ty Cổ phần Q.

Do đó, Công ty Cổ phần Q đề nghị Tòa án giải quyết buộc người bảo lãnh là chị Nguyễn Thị L1 và ông Trần K thực hiện đúng nội dung hợp đồng bảo lãnh và biên bản làm việc chống bỏ trốn đã ký kết với Công ty Cổ phần Q, bồi thường cho Công ty Cổ phần Q số tiền 100.000.000 đồng do người được bảo lãnh vi phạm hợp đồng.

- Bị đơn ông Trần K trình bày: Ngày 15/8/2022 ông (T) và con dâu là Nguyễn Thị L1 (là vợ của anh Trần Văn C) là người trực tiếp ký Hợp đồng bảo lãnh với bên A là Công ty Cổ phần Q để bảo lãnh cho anh Trần Văn C đi làm việc tại Đài Loan. Về lý do anh Cao bỏ trốn khi sang Đài Loan là do mức lương không đảm bảo theo Hợp đồng làm việc. Khi đi Công ty M hứa hẹn khi anh Cao s làm việc tại Đài Loan thì sẽ được trả mức lương từ 25.000.000đồng đến 30.000.000đồng/01 tháng, nhưng thực tế Công ty phía Đài Loan chỉ trả 12 triệu đồng/ 01 tháng, nên khi sang làm việc cho Công ty được khoảng 10 ngày thì anh C bỏ trốn ra ngoài làm. Nay Công ty Cổ phần Q yêu cầu ông và chị L1 phải bồi thường số tiền 100.000.000đồng, ông K đề nghị Tòa án xem xét vì hiện nay gia đình rất khó khăn, đang nợ Ngân hàng khoản tiền lớn.

- **Quá trình giải quyết vụ án về phía bị đơn chị Nguyễn Thị L1:** Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, triệu tập làm việc nhiều lần nhưng chị **L1** không tham gia các buổi làm việc cũng như trình bày lời khai đối với các yêu cầu của **Công ty Cổ phần Q**. Ngày 09/7/2024, **Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh** tiến hành làm việc, xác minh tại **xã V, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh** nhưng chị **L1** không có mặt ở địa phương.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn C trình bày:** Vào ngày 12/8/2022 anh **C** ký hợp đồng làm việc tại **Đài Loan** với **công ty Cổ phần Q** với nội dung anh sẽ sang **Đài Loan** làm việc với mức lương từ 25.000.000đồng đến 30.000.000đồng, chi phí đi hết 170.000.000đồng. Ngày 15/8/2022 vợ anh **C** là chị **Nguyễn Thị L1** và bố anh là ông **Trần K** đã ký Hợp đồng bảo lãnh với **Công ty Cổ phần Q** trong đó cam kết với Công ty sẽ bồi thường 100.000.000đồng nếu như anh Cao bỏ trốn ra ngoài làm việc bất hợp pháp. Sau khi sang **Đài Loan** vào Công ty làm thì ông chủ của công ty bảo lương mỗi tháng khoảng 12.000.000đồng, anh **Cao đ** về cho **Công ty M** thì không liên lạc được nên được khoảng 4-5 ngày thì anh **C** bỏ ra ngoài để làm việc. Hiện nay **Công ty Cổ phần Q** yêu cầu bồi thường 100.000.000đồng anh **C** không đồng ý.

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã đề xuất quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Căn cứ **cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 1, khoản 4 Điều 207; khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 335, Điều 336, Điều 338, Điều 339, Điều 342, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Công ty cổ phần Q** buộc người bảo lãnh là chị **Nguyễn Thị L1** và ông **Trần K** bồi thường cho **Công ty Cổ phần Q** số tiền 100.000.000 đồng và miễn trừ mọi trách nhiệm cho **Công ty Cổ phần Q** đối với bên bảo lãnh và anh **Trần Văn C** do vi phạm hợp đồng.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (bồi thường thay) cho người đi lao động ở nước ngoài. Theo hướng dẫn tại Điều 2 Thông tư liên tịch số 01/2010/TTLT-TANDTC BLĐTĐ&XH-VKSNDTC ngày 18/5/2010 của Tòa án nhân dân tối cao, **Bộ L3**, Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết tranh chấp hợp đồng bảo lãnh cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng dân sự (Hợp đồng bảo lãnh) theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tiến hành thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ. Xét thấy đây là phiên tòa được mở lần thứ hai, tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân

tỉnh Hà Tĩnh có quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét về nội dung:

[2.1] Ngày 15 tháng 8 năm 2022, Công ty Cổ phần Q (bên A) cùng chị Nguyễn Thị L1, ông Trần K (bên B) và anh Trần Văn C (bên C) đã lập Hợp đồng bảo lãnh. Theo đó, chị Nguyễn Thị L1, ông Trần K cam kết bảo lãnh cho anh Trần Văn C với nội dung “Ngay khi biết bên C (Trần Văn C) bỏ trốn, lập tức kêu gọi, động viên bên C sớm quay trở về đầu thú; cam kết bồi thường cho bên A (Công ty Cổ phần Q) số tiền 100.000.000 đồng nếu bên C bỏ trốn ra ngoài làm việc bất hợp pháp...”. Hợp đồng bảo lãnh giữa các bên được Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh xác nhận. Ngày 12 tháng 8 năm 2022, Công ty Cổ phần Q và anh Trần Văn C ký Hợp đồng đi làm việc ở nước ngoài số 326/2022; ngày 05 tháng 9 năm 2022 anh Trần Văn C bay đến Đài Loan để thực hiện hợp đồng; ngày 15 tháng 9 năm 2022, anh Trần Văn C đã bỏ trốn khỏi nơi làm việc; ngày 20/9/2022, Công ty Cổ phần Q đã có văn bản thông báo về việc lao động Trần Văn C bỏ trốn từ ngày 15/9/2022.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trần K và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn C thừa nhận Hợp đồng lao động ngày 12/8/2022 được anh Trần Văn C ký với Công ty Cổ phần Q; Hợp đồng bảo lãnh ngày 15/8/2022 được ông Trần K, chị Nguyễn Thị L1 và anh Trần Văn C ký với Công ty Cổ phần Q. Anh Trần Văn C thừa nhận việc sau khi sang Đài Loan đã bỏ trốn ra ngoài làm việc sau đó bị bắt và trục xuất về nước.

Về phía bị đơn chị Nguyễn Thị L1: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, triệu tập nhiều lần nhưng chị L1 không chấp hành pháp luật, không tham gia hòa giải cũng như trình bày lời khai đối với các yêu cầu của Công ty Cổ phần Q. Ngày 09/7/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh phối hợp với UBND xã V tổ chức làm việc tại UBND xã V, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh nhưng chị L1 không có mặt tại buổi làm việc.

[2.2] Xét thấy, việc chị Nguyễn Thị L1, ông Trần K và Công ty Cổ phần Q lập Hợp đồng bảo lãnh ngày 15/8/2022 và lập Biên bản làm việc ngày 03/9/2022 thỏa thuận cam kết với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nội dung cam kết không trái pháp luật. Theo đó, chị Nguyễn Thị L1, ông Trần K cam kết bảo lãnh cho anh Trần Văn C với nội dung: “Cam kết bồi thường cho bên Công ty Cổ phần Q số tiền 100.000.000 đồng nếu anh Trần Văn C bỏ trốn ra ngoài làm việc bất hợp pháp”; việc thỏa thuận đã được Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh nơi chị Nguyễn Thị L1 và ông Trần K cư trú xác nhận. Do đó các bên phải chịu trách nhiệm theo nội dung Hợp đồng mà các bên đã thỏa thuận.

[2.3] Tại Hợp đồng bảo lãnh ký ngày 15/8/2022, có nội dung xác định ông Trần K có trách nhiệm bảo đảm bằng tài sản của mình, tuy nhiên căn cứ nội dung Hợp đồng thì tài sản bảo đảm không được xác định rõ là tài sản nào, ở đâu... do đó không có căn cứ để xác định các tài sản được đảm bảo cho hợp

đồng bảo lãnh là những tài sản nào, vì vậy không có căn cứ để xử lý tài sản bảo đảm.

Từ những phân tích ở trên, xét thấy việc Công ty Cổ phần Q khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị L1 và ông Trần K phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ bồi thường cho Công ty Cổ phần Q số tiền đã cam kết 100.000.000đồng và và miễn trừ mọi trách nhiệm cho Công ty Cổ phần Q đối với bên bảo lãnh và anh Trần Văn C do vi phạm hợp đồng là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn khởi kiện được chấp nhận; bị đơn phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định; trả lại số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp.

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 1, khoản 4 Điều 207; khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 335, Điều 336, Điều 338, Điều 339, Điều 342, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Q: Buộc người bảo lãnh là chị Nguyễn Thị L1 và ông Trần K có nghĩa vụ bồi thường cho Công ty Cổ phần Q số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và miễn trừ mọi trách nhiệm cho Công ty Cổ phần Q đối với bên bảo lãnh và anh Trần Văn C do vi phạm hợp đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

2. Về án phí sơ thẩm:

- Buộc chị Nguyễn Thị L1 và ông Trần K phải chịu 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) án phí Dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho Công ty Cổ phần Q 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh theo Biên lai thu số 0000865 ngày 09/5/2024.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Đức Quang